

Bản án số: 11/2019/HS - ST
Ngày 04-4-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - C2 toạ phiên toà: Bà Vương Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Long Hính;

Ông Bùi Văn Thích.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Văn Thuận - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2019/TLST-HS ngày 21/02/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST-HS ngày 22/3/2019 đối với bị cáo:

Phàn Thị D1 (*tên gọi khác: Phàn Thị M1*), sinh ngày 15/12/1985 tại huyện V, tỉnh H. Nơi cư trú: Xã C, huyện V, tỉnh H; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phàn Văn S2 và bà Phàn Thị D2; có chồng: Đặng Văn T1 (đã ly hôn); con: Có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt từ ngày 08/9/2018 đến ngày 13/12/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng hình thức Bảo lãnh. (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh T4 - Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh H, có mặt.

- Người làm chứng:

1. Phàn Thị C6, sinh năm: 1980 (Có mặt)

2. Đặng Văn C5, sinh năm: 1984 (Có mặt)

3. Lù Thị T2 (Tên gọi khác: Lý Thị T2), sinh năm: 1981 (Vắng mặt)

4. Đặng Thị V, sinh năm: 1978 (Có mặt)
5. Lý Văn N1, sinh năm: 1968 (Có mặt)
6. Lý Văn N2, sinh năm: 1993 (Có mặt)
7. Lý Thị M2, sinh năm: 1990 (Có mặt)
8. Phan Thị C1, sinh năm: 1996 (Vắng mặt)
9. Phan Văn N3, sinh năm: 1972 (Có mặt)
10. Phan Văn Q2, sinh năm: 1991 (Có mặt)
11. Nguyễn Bá T3, sinh năm: 1993 (Vắng mặt)
12. Lý Xuân C2, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

- *Người phiên dịch tiếng Dao*: Ông Đặng Văn H1; địa chỉ: Xã N, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Căn cứ công văn số 744 ngày 07/09/2018 của Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh Công an tỉnh Hà Giang về việc tiếp nhận từ đơn Biên phòng cửa khẩu Thanh Thủy có 29 công dân Việt nam do Trung Quốc trao trả qua cửa khẩu Quốc tế Thanh Thủy, quá trình lấy lời khai ban đầu của một số công dân khai do Phan Thị D, sinh năm 1985 trú tại xã C, huyện V, tỉnh H tổ chức đưa sang Trung Quốc lao động làm thuê nên đã chuyển toàn bộ hồ sơ đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Hà Giang xác minh làm rõ.

Quá trình điều tra đã xác định được: Năm 2016 Phan Thị D1 đi sang Trung Quốc làm thuê, có quen 01 người cùng làm thuê ở bên Trung Quốc tên là Nguyễn Văn C3, sinh năm 1990, trú tại xã Q, huyện S, tỉnh T. Trong thời gian quen biết nhau, C3 bảo với D1 khi nào về Việt Nam nếu tìm được người để đưa sang Trung Quốc lao động thì hàng tháng C3 thu của mỗi người đi làm thuê 100NDT là tiền công C3 đưa người đi, C3 sẽ chia cho D1 một ít tiền công, D1 đồng ý. Sau khi về Việt Nam đến đầu năm 2018, D1 về nhà bố mẹ để ở xã Q, huyện V và D1 có gọi điện cho **Phan Thị C6** hỏi C6 là có muốn đi Trung Quốc làm thuê không, công việc là làm cây thông giả, tiền công là 90NDT/01 ngày, nếu đi thì D1 sẽ gọi điện báo C3 đưa đi, sau khi nghe D1 nói, C6 đã đồng ý đi làm. Sau tết nguyên đán năm 2018, D1 có mời anh em họ hàng và người quen ở xã C, huyện V đến nhà ăn cơm, trong lúc ăn cơm ở nhà D1, D1 có nói chuyện với **Đặng Văn C5** và **Lý Thị T2** là hiện nay có Nguyễn Văn C3 nhà ở Tuyên Quang đang tìm người để đưa sang Trung Quốc làm thuê, nếu C5, T2 muốn đi thì D1 sẽ gọi điện báo C3 đưa đi, C5 và T2 đồng ý. Cũng trong thời gian này, D1 đã gọi điện cho **Đặng Thị V** rủ V đi Trung Quốc làm thuê, vì trước đây V đã đi làm thuê ở Trung Quốc cùng D1

nên V đã đồng ý đi. Sau khi tìm được người, D1 đã gọi điện cho C3 và nói là đã tìm và rủ được 4 người đi làm thuê, C3 hẹn D1 đến ngày 12/01/2018 (âm lịch) C3 sẽ về đưa đi qua đường biên giới thuộc tỉnh Lạng Sơn. Đến ngày 11/01/2018 do không liên lạc được xe ở Lạng Sơn đi sang Trung Quốc, nên C3 bảo D1 liên hệ với một người tên là T2 hỏi T2 đường đi sang Trung Quốc qua địa phận tỉnh Hà Giang. Theo sự chỉ dẫn của C3, được T2 giới thiệu và cho số điện thoại của Lý Xuân C2 hỏi đường đi sang Trung Quốc, D1 gọi điện thông báo cho C3, C3 hẹn D1 ngày 16/01/2018 (âm lịch) C3 lên Hà Giang đưa mọi người đi Trung Quốc làm thuê. Ngày 16/1/2018 D1 đi ra xã C, huyện V thì đã có khoảng 10 người tập trung tại đó nhưng D1 chỉ biết 01 người là Đặng Văn C5, những người còn lại D1 không được rủ và không biết họ. Khi ra đến Km16 đường Hà Giang - Hà Nội, D1 đã thấy có 02 xe ô tô khách cùng rất nhiều người và C3 đã tập trung ở đây, (trong đó D1 chỉ được rủ Phan Thị C6, Lý Thị T2 và Đặng Thị V, số người còn lại gồm: Phan Thị C1, Lý Văn N2, Phan Thị D3 ở thôn B, xã C, huyện V là do C6 tự rủ thêm. Lý Thị M2, Hoàng Thị M3 là do Đặng Văn C5 tự rủ đi. Bàn Thị H2, Hoàng Văn Đ1, Bàn Văn Đ2, Lý Văn N1, Cháng Văn Đ3, Đặng Văn M4, Tráng Văn Q1, Đặng Văn C4, Phan Văn Đ5, Đặng Văn Đ4, Đặng Văn S1 và Phan Văn P do không có công ăn việc làm nên khi thấy vợ chồng C5 đi đã tự liên lạc với nhau để cùng đi làm thuê, còn Nguyễn Bá T3 do V tự gọi điện rủ đi) ngay sau đó C3 bảo mọi người (khoảng 80 người) lên xe để đi lên thị trấn P, huyện Đ rồi vào nhà Lý Xuân C2 để nghỉ. Tại đây, C3 thu của mỗi người 900NDT nói là để trả tiền xe và tiền chi phí đi sang Trung Quốc làm thuê. Thu tiền xong mọi người được C3 thuê xe đưa từ thị trấn P đi vào xã P đi bộ theo đường mòn sang Trung Quốc (không làm thủ tục xuất cảnh qua biên giới), đến Trung Quốc có 02 xe ô tô đến đón và đưa mọi người đến một nhà dân ở gần biên giới, sáng hôm sau C3 đã tách số người trên làm 02 đoàn, để đi làm ở 02 địa điểm khác nhau, 01 đoàn khoảng 30 người được người Trung Quốc trực tiếp đưa đi, đoàn còn lại khoảng 50 người thì được C3 đưa đi đến địa điểm làm thuê khác. Trên đường đi đến nơi làm thuê, D1 cùng 28 người bị biên phòng Trung Quốc bắt giữ giao cho Công an Trung Quốc và bị tạm giữ đến ngày 07/9/2018 thì Phan Thị D1 cùng 28 người được trao trả về Việt Nam qua cửa khẩu Thanh Thủy. Những công dân còn lại do C3 trực tiếp đưa đi không biết hiện nay ở đâu, còn C3 đang bị giam, giữ ở Trung Quốc.

Tại bản Cáo trạng số 03/CT – VKS ngày 20 tháng 02 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Phan Thị D1 về tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài” theo khoản 1 Điều 349 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang sau khi phân tích tính chất của vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phan Thị D1 phạm tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài. Áp dụng khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử

phạt bị cáo Phan Văn D1 từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 BLTTHS, Điều 47 của BLHS năm 2015. Tịch thu sung công quỹ Nhà Nước: 01 ĐT di động màu vàng GOOL đã cũ không kiểm tra bên trong. Trả lại cho bị cáo: 01 ĐT Iphone 6S màu vàng đã cũ ko kiểm tra bên trong; 02 tấm thẻ nhựa có chữ Trung Quốc. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội miễn toàn bộ án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

- *Người bào chữa cho bị cáo trình bày:* Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo về tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài, theo khoản 1 Điều 349 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo 02 năm tù nhưng xem xét cho bị cáo được hưởng án treo với lý do, bị cáo là dân tộc thiểu số, trình độ am hiểu pháp luật còn hạn chế, bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã tỏ rõ sự ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo; gia đình thuộc diện hộ nghèo của xã, bản thân bị cáo hiện đang nuôi 02 con nhỏ, con bị cáo bị bệnh tật bẩm sinh, bị cáo đã ly hôn với chồng. Việc bị cáo đưa 4 người sang Trung Quốc mục đích chính là tạo công ăn việc làm để giúp đỡ mọi người có thu nhập.

Bị cáo Phan Thị D1 nhất ý với lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý, bị cáo biết hành vi của mình đã vi phạm pháp luật, Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật đó là đúng người, đúng tội, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo do bị cáo là người dân tộc thiểu số không hiểu biết pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tố tụng:* Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục và đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật và không có khiếu nại tố cáo nên đều hợp pháp.

Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng được triệu tập đến phiên tòa, căn cứ vào Điều 293 của Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[2]. *Về nội dung vụ án:* Vào ngày 16/01/2018 âm lịch (tức ngày 03/3/2018 dương lịch) Phan Thị D1 đã rủ và đưa 4 người gồm: **Phan Thị C6, Đặng Văn C5, Lý Thị T2, Đặng Thị V** đi cùng đoàn của Nguyễn Văn C3 vượt biên giới

trái phép qua địa phận thuộc xã P, huyện Đ để sang Trung Quốc lao động làm thuê, không làm thủ tục xuất nhập cảnh theo quy định. Khi vào địa phận Trung Quốc và đi đến nơi làm thuê thì bị biên phòng Trung Quốc bắt giữ, sau đó được trao trả về Việt Nam ngày 07/9/2018 trong tổng số 29 người đi lao động làm thuê qua cửa khẩu Quốc tế Thanh Thủy.

[3]. *Về việc định tội, định khung hình phạt đối với bị cáo:* Bị cáo Phàn Thị D1 là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết rõ việc tổ chức người khác đi nước ngoài khi không được phép của cơ quan có thẩm quyền là vi phạm pháp luật, bị cáo cũng biết việc tổ chức xuất khẩu lao động phải do các cơ quan tổ chức được nhà nước cấp phép thực hiện. Nhưng vì lợi ích trước mắt muốn xin được công việc có thu nhập tốt và được C3 hứa hẹn trả tiền thù do tìm được người lao động sang Trung Quốc cho C3 nên bị cáo đã giúp cho C3 tổ chức người khác trốn sang Trung Quốc trái phép, bất chấp quy định của nhà nước trong lĩnh vực xuất nhập cảnh cũng như quy định của nhà nước về xuất khẩu lao động. Trong số 28 người bị Công an Trung Quốc trao trả về Việt Nam, mặc dù bị cáo có quen biết một số người nhưng chỉ có đủ căn cứ chứng minh bị cáo được trực tiếp tham gia rủ 04 người gồm Phàn Thị C6, Đặng Văn C5, Lý Thị Thu, Đặng Thị V trốn sang Trung Quốc làm thuê, còn những người khác một phần là do chính những người được D1 rủ sau đó họ tự rủ thêm người thân của mình, số khác do biết D1 đã từng đi làm ăn ở Trung Quốc về và biết thời gian D1 tiếp tục sang Trung Quốc làm thuê thì họ tự rủ nhau, số người còn lại là do chính Nguyễn Văn C3 rủ đi. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo Phàn Thị D1 có đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài” quy định tại khoản 1 Điều 349 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù từ 1 năm đến 5 năm.

[4]. *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đối với bị cáo:*

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo “thành khẩn khai báo”, “ăn năn hối cải”; là 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo được chứng nhận thuộc hộ nghèo, trình độ nhận thức hạn chế; bị cáo có bố đẻ là Phàn Văn S2 được tặng Huân chương vì sự nghiệp giáo dục, do đó cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Hành vi phạm tội của bị cáo Phàn Thị D1 là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh, xâm hại đến

trật tự về an ninh biên giới nên cần xử lý bị cáo bằng biện pháp Hình sự với mức án đủ nghiêm, tương xứng với tính chất mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Tại phiên tòa hôm nay, những người làm chứng Phàn Thị C6, Đặng Văn C5, Đặng Thị V đều xác nhận do có nhu cầu cần đi lao động nên họ C2 động đến nhà và gọi điện thoại hỏi xin bị cáo được đi lao động tại Trung Quốc cùng nên bị cáo mới rủ và trực tiếp cùng C3 đưa C6, C5, V, T2 trốn sang Trung Quốc trái phép. Về động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo trước hết là bị cáo sang Trung Quốc cũng để làm thuê kiếm sống sinh nhai, được C3 hứa xin cho vào cơ sở làm việc tốt có thu nhập cao. Còn việc C3 có cho bị cáo được hưởng thù lao từ việc đưa người sang Trung Quốc làm thuê hay không thì bị cáo không thành vấn đề vì C3 không có chỗ ở ổn định nên rất hiếm khi gặp lại nhau, trên thực tế bị cáo cũng chưa nhận được bất cứ lợi ích vật chất nào của C3. Lý do bị cáo giúp C3 đưa 4 người sang Trung Quốc làm thuê vì họ đều là người thân thích, gần gũi với bị cáo nên bị cáo cũng muốn giúp đỡ họ có công việc làm thuê có thu nhập tốt, hơn nữa quá trình làm thuê có gặp trở ngại gì còn giúp đỡ nhau và thông tin về gia đình. Bản thân bị cáo có hoàn cảnh éo le, bị cáo đã ly hôn với chồng (không xác định được chồng bị cáo hiện đang ở đâu), bị cáo một mình phải nuôi 02 con còn nhỏ, trong đó có 01 cháu bị dị tật bẩm sinh “phình đại tràng” có kết quả chẩn đoán của Bệnh viện cần phải điều trị lâu dài và phẫu thuật, gia đình được chứng nhận thuộc hộ nghèo. Căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội, điều kiện phát sinh tội phạm, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, hoàn cảnh gia đình, Hội đồng xét xử thấy rằng thời gian bị tạm giữ, tạm giam đã đủ để giáo dục đối với bị cáo, do đó cần thiết áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, để bị cáo được giáo dục, cải tạo tại địa phương, giúp cho bị cáo có điều kiện được nuôi dưỡng, chăm sóc và chữa trị bệnh tật cho con bị cáo, thể hiện được tính nhân đạo của pháp luật Hình sự.

Về hành vi xuất nhập cảnh trái phép của bị cáo, ngày 28/01/2018 đã bị Công an tỉnh Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính với hình thức cảnh cáo, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với đối tượng Nguyễn Văn C3, qua lời khai của Phàn Thị D1 và những người liên quan khác thì ngày 16/01/2018 (âm lịch) Nguyễn Văn C3 đã tổ chức đưa khoảng 80 người sang Trung Quốc lao động làm thuê, hiện nay Nguyễn Văn C3 đang bị Công an Trung Quốc giam giữ. Cơ quan An ninh Điều tra đã xác minh nhân thân lai lịch tại nơi cư trú của Nguyễn Văn C3, khi phía Công an Trung Quốc trao trả, Cơ quan ANĐT tiếp tục điều tra, xác minh, củng cố hồ sơ, tài liệu để xử lý hành vi của Nguyễn Văn C3. Do vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở giải quyết trong vụ án này.

Đối với Lý Xuân C2, quá trình đưa người sang Trung Quốc làm thuê, D1 và C3 có đưa mọi người vào nhà C2 để nghỉ, C2 cũng không được bàn bạc, thống nhất với D1 và C3 về việc đưa người sang Trung Quốc làm thuê, do vậy không có đủ căn cứ chứng minh hành vi phạm tội của C2 nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[4]. Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra đã thu giữ của bị cáo 02 điện thoại di động màu vàng đã cũ; 02 tấm thẻ nhựa có chữ Trung Quốc. Hội đồng xét xử, xét thấy 01 chiếc điện thoại di động màu vàng GOOL đã cũ do bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nhưng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với những tài sản, đồ vật gồm 02 tấm thẻ nhựa có chữ Trung Quốc và 01 Điện thoại Iphone 6S màu vàng đã cũ được xác định bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[5]. Về án phí: Bị cáo có Giấy chứng nhận thuộc diện hộ nghèo nên cần áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để miễn án phí cho bị cáo.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phàn Thị D1 phạm tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phàn Thị D1 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 04 (Bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã C, huyện V, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo đi khỏi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Luật thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự”.

3. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

- Trả lại cho bị cáo những tài sản đồ vật không liên quan đến tội phạm gồm: 01 Điện thoại Iphone 6S màu vàng đã cũ không kiểm tra bên trong; 02 tấm thẻ nhựa có chữ Trung Quốc.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 Điện thoại di động màu vàng GOOL đã cũ không kiểm tra bên trong.

(Đặc điểm, tình trạng các vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an tỉnh Hà Giang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang ngày 21/02/2019).

4. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội bị cáo Phàn Thị D1 được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tối cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- PC01; PA 09; PV06 Công an tỉnh;
- Sở tư pháp tỉnh;
- Cục thi hành án tỉnh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thị Thu Hà

